

Bản án số: 10 /2019/KDTM-PT
Ngày: 15-11-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Long.

Các Thẩm phán: Bà Từ Thị Hải Dương.

Ông Nguyễn Văn Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2019/TLPT-KDTM ngày 12 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/KDTM-ST ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:1644/2019/QĐPT- KDTM ngày 02 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần B (gọi tắt là B);

Địa chỉ: Tháp B, 35 H, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc M, chức vụ: Trưởng phòng Quản lý rủi ro B- chi nhánh Quảng Bình.

Địa chỉ người đại diện theo uỷ quyền: 189 đường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

(Theo Quyết định uỷ quyền số 906/QĐ-BIDV ngày 26/11/2018 từ Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP B và Quyết định uỷ quyền số 2047/QĐ-BIDV.QB ngày 27/11/2018 từ ông Lê Gia H – Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần B - chi nhánh Quảng Bình). Ông Minh có mặt.

2. *Bị đơn :* Công ty trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu thương mại D.

Địa chỉ: Thôn 8 P, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Minh T, sinh năm: 1977. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc công ty - vắng mặt lần thứ 2.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Thế A, sinh năm: 1976, địa chỉ: Xóm C, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thế A, sinh năm: 1976, Địa chỉ: Xóm C, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình – được Bản án sơ thẩm xác định là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

5. *Kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình kháng nghị theo Quyết định số 01/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 31/7/2019 về việc kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2019/KDTM-ST ngày 24/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 7 năm 2015, Bản tự khai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng B trình bày:

Từ năm 2010 đến 2011, Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu thương mại D (gọi tắt là công ty D) đã ký với Ngân hàng thương mại cổ phần B các hợp đồng tín dụng để vay với tổng số tiền là: 3.120.000.000đ; mục đích vay để trả tiền mua ô tô vận tải và bổ sung vốn lưu động kinh doanh, bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2010/HĐ ngày 29/4/2010, thời hạn vay 36 tháng, thỏa thuận lãi suất trong hạn là lãi suất thả nổi, bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng cộng phí 4,4% năm, được điều chỉnh 06 tháng/01 lần vào các ngày 01/6, 01/12 hàng năm, nhưng mọi trường hợp không thấp hơn lãi suất tối thiểu và không cao hơn lãi suất tối đa của ngân hàng công bố trong từng thời kỳ; lãi suất nợ quá hạn: thực hiện theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ.

- 03 Hợp đồng tín dụng ngắn hạn gồm: số 04/2010/HĐ ngày 09/11/2010; Số 02/2011/HĐ ngày 15/02/2011; Số 03/2011/HĐ ngày 25/02/2011, thời hạn vay 09 tháng, lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau đang áp dụng của Ngân hàng B cộng 3,6%/năm, lãi suất được điều chỉnh vào các ngày 01/3, 01/6, 01/9, 01/12 theo thông báo lãi suất của ngân hàng B- chi nhánh Quảng Bình tại thời điểm điều chỉnh. Trong mọi trường hợp lãi suất cho vay không cao hơn lãi suất tối đa và không thấp hơn lãi suất tối thiểu do ngân hàng công bố trong từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn: Lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty D đã thế chấp xe ô tô Biển kiểm soát 73L-9009 theo Giấy đăng ký xe ô tô số 004615 do Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 11/8/2009 mang tên Công ty D theo Hợp đồng thế chấp số 01/2012/HĐ ngày 29/5/2012. Hợp đồng thế chấp giữa Công ty D với Ngân hàng B Quảng Bình đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

Trong quá trình quan hệ tín dụng tại B Quảng Bình, Công ty D đã không thực hiện đúng các thỏa thuận, cam kết tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết với B Quảng Bình và để phát sinh nợ quá hạn với tổng dư nợ tạm tính đến ngày 24/6/2019 là: 2.723.722.000 đồng, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 01/2010/HĐ ngày 29/4/2010: Dư nợ gốc 29.290.000 đồng, dư nợ lãi: 545.960.023 đồng;

Hợp đồng tín dụng số 04/2010/HĐ ngày 09/11/2010 : Nợ gốc: 250.000.000 đồng; nợ lãi 611.914.235 đồng;

Hợp đồng tín dụng số 02/2011/HĐ ngày 15/02/2011: Nợ gốc 50.000.000 đồng; nợ lãi: 141.761.027 đồng;

Hợp đồng tín dụng số 03/2011/HĐ ngày 25/02/2011: Nợ gốc: 320.000.000 đồng, nợ lãi: 774.796.916 đồng.

Tổng cộng nợ gốc của các hợp đồng: trong đó nợ gốc: 649.290.000đ, nợ lãi phát sinh trong hạn và quá hạn: 2.074.432.000 đồng

Vì vậy, BIDV khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Công ty D có trách nhiệm trả nợ cho B số tiền là: 2.723.722.000đ đồng (tạm tính tại thời điểm khởi kiện) trong đó nợ gốc 649.290.000 đồng, nợ lãi 2.074.432.000 đồng. Trường hợp, số tiền nợ còn lại vượt quá phạm vi phần vốn góp của mỗi thành viên thì nguyên đơn xin rút phần vượt quá và xin rút một phần yêu cầu đối với khoản phạt chậm trả lãi theo hợp đồng.

Trường hợp không trả được nợ, B đề nghị Tòa án tuyên B được toàn quyền xử lý tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô theo Giấy đăng ký xe ô tô số 004615 do Công an Quảng Bình cấp ngày 11/8/2009 cho Công ty TNHH XNK thương mại D, BKS 73L-9009 để thu hồi nợ vay. B Quảng Bình xác định giá trị tài sản bảo đảm theo biên bản định giá ngày 26/9/2011 giữa B Quảng Bình với Công ty TNHH XNK thương mại D là 800.000.000đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, B yêu cầu công ty D có trách nhiệm trả số nợ là: 2.700.000.000đ (trong đó nợ gốc: 649.290.000đ, nợ lãi: 2.075.710.000đ).

Bị đơn công ty D trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ Ông Bùi Minh T – là người đại diện theo pháp luật của Công ty D đến tham gia tố tụng nhưng ông T vắng mặt. Tòa án có văn bản yêu cầu phía nguyên đơn thực hiện phương thức, thủ tục cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho ông T trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng B Quảng Bình đã có công văn phúc đáp với nội dung: Ông Bùi Minh T không có mặt tại địa phương, đã bỏ trốn từ năm 2011, Công an tỉnh Quảng Bình có lệnh truy nã đặc biệt số: 06/QĐ-PC 46 kể từ ngày 28/5/2012. Khi nào có kết quả về việc truy nã sẽ thông báo sau. Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành tổng đạt trực tiếp được cho ông T. Việc tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng theo luật định không có kết quả. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do đương sự cố tình trốn tránh.

Theo đơn khởi kiện cũng như yêu cầu ban đầu của nguyên đơn buộc Công ty TNHH XNK thương mại D thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án xác định được: Công ty TNHH XNK thương mại D là công ty trách nhiệm hữu

hạn hai thành viên (Ông Bùi Minh T – Giám đốc và ông Nguyễn Thế A là Thành viên góp vốn), có mã số doanh nghiệp, đăng ký lần đầu ngày 16/6/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 18/7/2011; Công ty TNHH XNK thương mại D đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo Quyết định số 3607/13 ngày 18/12/2013 là thời gian trước khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 51 của luật Doanh nghiệp 2014 quy định về nghĩa vụ của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên: “Góp đủ, đúng hạn số vốn đã cam kết và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty...”. Tình trạng thực tế hiện nay của Công ty TNHH XNK thương mại D, không hoạt động, B khởi kiện, yêu cầu Công ty TNHH XNK thương mại D phải trả nợ gốc và lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các hợp đồng đã ký kết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thế A vắng mặt tại phiên toà nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông A đã có lời khai tại Bản tự khai với nội dung: Ông Thế A là anh vợ của ông T, trong quá trình thành lập công ty thì ông được ông T đưa vào làm thành viên của công ty nhưng thực tế ông không làm việc ở công ty TNHH XNK thương mại D và cũng không góp vốn. Trong quá trình hoạt động của công ty, ông không tham gia bất kỳ công việc của công ty cho đến ngày xảy ra vụ việc. Ông trình bày sự việc nêu trên, mọi việc liên quan đến công ty TNHH XNK thương mại D ông hoàn toàn không liên quan.

Tại Bản án kinh doanh thương mại số 14/2019/KDTM-ST ngày 24/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

- Áp dụng Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự (2015);
- Áp dụng các Điều 122; 124, 319, 320, 355, 388, 389, 401, 402, 405, 471, 474 Bộ luật dân sự (2005);
- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng (2010);
- Áp dụng Điều 51 Luật Doanh nghiệp năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B.

1.1. Tuyên số tiền Công ty TNHH XNK thương mại D còn nợ Ngân hàng B chi nhánh Quảng Bình tính đến ngày 24/6/2019 là: 2.723.722.000đ (trong đó nợ gốc: 649.290.000đ, nợ lãi: 2.074.432.000đ).

1.2. Tuyên B được toàn quyền xử lý tài sản bảo đảm là 01 ô tô Giấy đăng ký xe ô tô số 004615 do Công an Quảng Bình cấp ngày 11/8/2009 mang tên Công ty TNHH XNK thương mại D, BKS 73L-9009 để thu hồi nợ vay. B xác định giá trị tài sản bảo đảm theo biên bản định giá giữa B Quảng Bình với Công ty TNHH XNK thương mại D là 800.000.000đ

1.3. Buộc ông Bùi Minh T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng B số tiền: 1.800.000.000đ ; buộc ông Nguyễn Thế A phải trả cho BIDV số tiền: 100.000.000đ.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khoản phạt chậm trả lãi theo hợp đồng và đình chỉ phần yêu cầu vượt quá sau khi đã xác định được giá trị tài sản thế chấp để khấu trừ nghĩa vụ trả nợ và phạm vi thực hiện nghĩa vụ trả nợ của các thành viên góp vốn đối với giá trị tài sản vốn góp, là 23.722.000 đồng.

3. Án phí:

3.1. Các thành viên Công ty TNHH XNK thương mại D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền cụ thể: ông Bùi Minh T chịu: 66.000.000 đồng, ông Nguyễn Thế A chịu 5.000.000đồng.

3.2. Ngân hàng thương mại cổ phần B không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 25.988.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001209 ngày 13/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế A có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm với nội dung: Ông không biết việc ông Bùi Minh T đưa ông vào làm thành viên công ty TNHH XNK Thương mại D, ông không tham gia góp vốn hay hưởng bất cứ quyền lợi nào của Công ty, ông A được đưa vào thành viên của công ty trước 02 tháng khi ông Bùi Minh T bỏ trốn, mọi việc đều xảy ra trước khi ông bị đưa vào công ty, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông phải chịu 5.000.000 đồng tiền án phí và phải trả cho B 100.000.000 đồng là chưa thỏa đáng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình kháng nghị theo Quyết định số 01/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 31/7/2019 với nội dung:

Thứ nhất: Việc Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới xác định tư cách tố tụng của bị đơn là không đúng, vụ án đối tượng bị khởi kiện là công ty D. Với tư cách là thành viên góp vốn của ông ty, ông Bùi Minh T và ông Nguyễn Thế A là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn, nghĩa vụ trả nợ của Công ty. Do đó việc Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới xác định tư cách tham gia tố tụng của Công ty, ông T như trong bản án là không đúng, công ty D phải được xác định là bị đơn, ông T phải xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Thứ hai: Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới áp dụng Luật Doanh nghiệp năm 2014 trong giải quyết vụ án Kinh doanh thương mại là không đúng quy định của pháp luật, do Công ty DT được thành lập năm 2009, trước ngày Luật Doanh nghiệp 2014 có hiệu lực; theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Luật doanh nghiệp 2014 quy định đối với công ty

trách nhiệm hữu hạn thành lập trước ngày luật doanh nghiệp 2014, thời hạn góp vốn thực hiện theo điều lệ của công ty nên phải áp dụng Luật Doanh nghiệp 2005 để giải quyết .

Thứ ba: Việc Tòa án nhận định buộc ông T, ông A trả nợ số tiền theo phần vốn góp sau khi đã trừ đi giá trị tài sản đảm bảo: 2.723.722.000 đồng – 800.000.000 đồng = 1.923.722.000 đồng là không đúng quy định của pháp luật. Theo hợp đồng thế chấp tài sản các bên đã ký kết, ngân hàng được xử lý tài sản bảo đảm khi bản án, quyết định của Tòa án tuyên có hiệu lực pháp luật và trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện một phần, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Xe ô tô được thế chấp 2011, quá trình giải quyết chủ sở hữu không có mặt nên không thể thỏa thuận giá trị tài sản và cũng không thể xác định lại giá trị tài sản theo ý kiến của nguyên đơn, vì vậy, cần định giá lại tài sản đảm bảo mới có căn cứ để xử lý.

Thứ tư: Tòa án xác định tổng giá trị tài sản có tranh chấp: 2.723.722.000 đồng nhưng khi tính án phí chỉ trên số tiền 1.900.000.000 đồng là trái quy định, gây thiệt hại cho nhà nước. Án phí phải là 86.474.440 đồng nhưng Tòa án tuyên ông T phải chịu 66.000.000 đồng, ông A phải chịu 5.000.000 đồng , gây thiệt hại số tiền 15.474.440 đồng.

Do đó Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới kháng nghị Bản án số 14/2019/KDTM-ST ngày 24/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình về phần xác định tư cách tham gia tố tụng của bị đơn, việc áp dụng pháp luật, xử lý tài sản và án phí của bản án. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xét buộc Công ty TNHH XNK thương mại D có trách nhiệm trả cho ngân hàng B số tiền 2.700.000.000 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, trong đó nợ gốc 649.290.000 đồng, nợ lãi 2.050.710.000 đồng; đối với số tiền 23.722.000 đồng nguyên đơn đã rút yêu cầu nên không yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét. Trường hợp Công ty D không trả được nợ thì xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô Biển kiểm soát 73A-9009 để đảm bảo thu hồi nợ .

Ông Nguyễn Thế A trình bày quan điểm : Ông vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong đơn kháng cáo, không đồng ý trả cho B 100.000.000 đồng và nộp án phí sơ thẩm 5.000.000 đồng. Ông cho rằng không liên quan đến vụ án này.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình có quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Đơn kháng cáo của các đương sự và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới trong hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị: Không chấp nhận kháng nghị về việc áp dụng Luật doanh nghiệp 2014 để giải quyết vụ án vì không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự;

Giữ nguyên các nội dung kháng nghị của Quyết định số 01/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 31/7/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng: Tính đến ngày 24/6/2019 Công ty D còn nợ B số tiền 2.723.722.000 đồng, xác định xe ô tô biển số 73L – 9009 là tài sản thế chấp, B có quyền yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ. Do công ty D ngừng hoạt động nên ông T và ông A chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Doanh nghiệp trong phạm vi vốn góp. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm : công ty D phải chịu 86.474.440 đồng; Án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm, ông A phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Thế A không rút kháng cáo, Viện kiểm sát không rút kháng nghị.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án có quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng, do một bên vi phạm điều khoản thanh toán nên phát sinh tranh chấp, được quy định tại khoản 5 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án, kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới trong thời hạn quy định tại Điều 272, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự, do vậy, được xem xét theo trình tự phúc thẩm

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, Quyết định xét xử phúc thẩm ông Bùi Minh T – là đại diện theo pháp luật của bị đơn công ty D, tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 22/10/2019 ông T vắng mặt không có lý do, phiên tòa hoãn theo quy định, tại phiên tòa mở lại lần thứ 2, ông T vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình có Công văn số 1030/CV-PC03 ngày 12/11/2019 xác định ông Bùi Minh T bị khởi tố về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, hành vi có liên quan đến việc vay tài sản của B, tuy nhiên chỉ liên quan đến thế chấp 02 xe ô tô tải hình thành từ việc vay vốn của ngân hàng, không liên quan đến xe đang thế chấp 73L -9009, Bùi Minh T hiện nay đang bị truy nã, chưa bắt được và chưa có quyết định đình nã.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tại Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 31/7/2019 đối với bản án sơ thẩm số 14/2019/KDTM-ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, Hội đồng xét xử thấy:

Về tư cách tham gia tố tụng: Viện Kiểm sát cho rằng, phải xác định công ty D là bị đơn, ông Bùi Minh T và ông Nguyễn Thế A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Căn cứ vào công văn số 96/KHĐT-ĐK ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình về việc cung cấp thông tin doanh nghiệp thì Công ty DT đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quyết định số 3607/13 ngày 18/12/2013 của Trưởng phòng đăng ký kinh doanh, tuy nhiên, sau khi bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty D không đến làm thủ tục giải thể và phòng đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ giải thể của công ty D. Theo trả lời của Phòng đăng ký kinh doanh, công ty D chưa giải thể, chưa bị xóa tên trong danh sách Doanh nghiệp, Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình không cấp lại hay cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hiện tại Doanh nghiệp không hoạt động. Như vậy, căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định Công ty D là bị đơn và Ông Bùi Minh T là chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm giám đốc công ty là đại diện theo pháp luật của bị đơn trong vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 46 Luật doanh nghiệp 2005 là phù hợp.

Đối với ông Nguyễn Thế A là thành viên của công ty D, theo quy định tại khoản 6 Điều 158 của Luật doanh nghiệp 2005, trường hợp giải thể thì các thành viên của công ty mới liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ khác chưa thanh toán. Hiện nay, công ty D chưa giải thể, do đó, ông Nguyễn Thế A không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Bản án sơ thẩm xác định ông Bùi Minh T là bị đơn và ông Nguyễn Thế A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chưa chính xác, có thiếu sót. Viện kiểm sát kháng nghị cho rằng công ty D là bị đơn là có cơ sở pháp luật, tuy nhiên ông Bùi Minh T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đúng, ông T phải là người đại diện theo pháp luật của công ty D.

Đối với việc kháng nghị về nội dung áp dụng pháp luật: Bản án sơ thẩm áp dụng Luật doanh nghiệp năm 2014 để giải quyết, thấy: Công ty D được thành lập vào 16/6/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào 18/7/2011, trước khi có Luật doanh nghiệp 2014, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 212 thì đối với công ty trách nhiệm hữu hạn thành lập trước ngày Luật doanh nghiệp 2014 có hiệu lực, thời hạn góp vốn được thực hiện theo Điều lệ công ty, nhưng hiện nay công ty chưa giải thể hay làm thủ tục phá sản, chưa bị xóa tên nên phải áp dụng Luật doanh nghiệp 2014 để giải quyết. Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã rút đối với kháng nghị này vì không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của đương sự, xét việc rút của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Đối với nội dung thứ ba về việc yêu cầu trả nợ:

Căn cứ vào các Hợp đồng tín dụng và các chứng cứ có trong hồ sơ xác định được từ năm 2010 đến năm 2011, ông Bùi Minh T đại diện cho Công ty D đã ký với B Quảng Bình 04 hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2010/HĐ ngày 29/4/2010; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 04/2010/HĐ ngày 09/11/2010; Số 02/2011/HĐ ngày 15/02/2011; Số 03/2011/HĐ ngày 25/02/2011 để vay với tổng số tiền là: 3.120.000.000đ, mục đích vay để trả tiền mua ô tô vận tải và bổ sung vốn lưu động kinh doanh. B và công ty D đã ký Hợp đồng thế chấp số 01/2012/HĐ ngày 29/5/2012 thế chấp xe ô tô biển kiểm soát 73A – 9009 để đảm bảo cho khoản vay.

Hợp đồng thế chấp giữa Công ty TNHH XNK Thương mại D với B đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

Xét các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã ký kết nêu trên tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty D đã vi phạm hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên về thời gian thanh toán nợ gốc và lãi. Tài liệu do nguyên đơn cung cấp, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/6/2019) tổng số tiền Công ty TNHH xuất nhập khẩu thương mại D chưa trả cho B là: 2.723.722.000đ (trong đó nợ gốc: 649.290.000đ, nợ lãi: 2.074.432.000đ). Theo yêu cầu của Nguyên đơn, yêu cầu bị đơn trả 2.700.000.000 đồng là có cơ sở, có lợi cho bị đơn, do đó xác định yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Do vậy, nghĩ nên sửa án sơ thẩm, Buộc bị đơn công ty D phải chịu trách nhiệm trả số tiền này là phù hợp

Tài sản đảm bảo cho khoản vay của công ty D là 01 xe ô tô BKS 73L-9009 theo Giấy đăng ký xe ô tô số 004615 do Công an Quảng Bình cấp ngày 11/8/2009 mang tên Công ty TNHH XNK thương mại D. Đại diện theo ủy quyền của B chấp nhận lấy giá trị tài sản của chiếc xe thế chấp theo biên bản định giá là 800.000.000đ. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, nghĩ nên công nhận, bởi đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để giải quyết, như vậy bị đơn được xem là trốn tránh và chối bỏ quyền, nghĩa vụ của mình trước pháp luật. Hiện nay, theo xác minh nơi công ty D có trụ sở, tài sản thế chấp không có ở địa phương, do ông T đang sử dụng. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới cho rằng cần định giá lại tài sản bảo đảm là không cần thiết, vì trường hợp không thu hồi được nợ thì xử lý tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản mà các bên đã ký kết. Do đó chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát để sửa án sơ thẩm về việc tuyên nghĩa vụ trả nợ của bị đơn và xử lý tài sản, không cần thiết phải định giá tài sản vì không có yêu cầu của đương sự và các đương sự đã thỏa thuận với nhau bằng việc xác định giá tài sản thế chấp tại hợp đồng bảo đảm là phù hợp với Điều 104 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nội dung kháng nghị về án phí: Công ty D có trách nhiệm trả cho B số tiền 2.723.722.000đ (trong đó nợ gốc: 649.290.000đ, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn 2.074.432.000đ). Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của B yêu cầu công ty D có trách nhiệm trả 649.290.000 đồng nợ gốc và 2.050.710.000 đồng tiền lãi, tổng yêu cầu là 2.700.000.000 đồng, yêu cầu của B được chấp nhận nên công ty D phải chịu án phí sơ thẩm: $(72.000.000 + (700.000.000 \times 2\%))$ là 86.000.000 đồng. Do đó sửa án sơ thẩm về án phí, tuyên buộc Công ty D phải nộp 86.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp với các Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thế A: Do công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu thương mại D chưa giải thể nên công ty phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ bằng tài sản và vốn của các thành viên đã cam kết góp vào công ty, ông Nguyễn Thế A là thành viên góp vốn nên không phải chịu trách nhiệm trả nợ là phù hợp với pháp luật. Bản án sơ thẩm tuyên buộc ông Nguyễn Thế A có trách nhiệm trả cho B số

tiền 100.000.000 đồng và chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 5.000.000 đồng là chưa đúng pháp luật. Do đó cần chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thế A để sửa án sơ thẩm, không buộc ông Nguyễn Thế A chịu trách nhiệm trả tiền cho B mà công ty D đã vay.

[4] Xét các thiếu sót của cấp sơ thẩm chưa làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, được bổ sung, khắc phục đầy đủ tại cấp phúc thẩm, nghĩ không cần thiết phải hủy án sơ thẩm, do đó Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng nghị để sửa án sơ thẩm.

[5] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Thế A không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự:

Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Thế A và chấp nhận một phần kháng nghị tại Quyết định số 01/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 31/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình để sửa án sơ thẩm,

Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng các Điều 122; 124, 319, 320, 355, 388, 389, 401, 402, 405, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B, buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu Thương mại D có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 2.700.000.000 đồng (*hai tỷ bảy trăm triệu đồng*) trong đó nợ gốc là 649.290.000 đồng, nợ lãi 2.050.710.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu thương mại D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu thương mại D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần B theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Ông Bùi Minh T và ông Nguyễn Thế A không có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B.

2. Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu thương mại D không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thương mại cổ phần B thì Ngân hàng thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản đã thế chấp là 01 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 73L – 9009 theo Hợp đồng thế chấp số 01/2012/HĐ ngày 29/5/2012 về việc thế chấp xe ô tô biển kiểm soát 73L – 9009 để đảm bảo thu hồi nợ.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu thương mại D phải nộp 86.000.000 đồng (*tám mươi sáu triệu đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Ông Bùi Minh T và ông Nguyễn Thế A không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần B không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 25.988.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001209 ngày 13/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

4. Về án phí phúc thẩm : Không ai phải chịu. Trả lại cho ông Nguyễn Thế A số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005478 ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

5. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 15 tháng 11 năm 2019)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ND tỉnh Quảng Bình;
- TAND thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu AV, lưu VP TAQB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Trần Đức Long

